TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA B NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11-01-2018
V/v xin Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA B NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Sơn Mứt

Ông Nguyễn Văn Thiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Võ Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa: thuộc trường hợp không tham gia.

Trong ngày 11 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về việc "Xin Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 2127/QĐST-TA, ngày 21/12/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Dương Thị A**, sinh năm 1989 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Hòa Trung, xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh B**, sinh năm 1987 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 13, ấp Thuận Tiến A, xã Thuận An, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện ngày 15 tháng 9 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn Dương Thị A trình bày: Do tự quen biết, nên vào năm 2007

chị và anh Nguyễn Thanh B tiến tới hôn nhân, không có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thuận An, huyện Bình Mình (cũ nay là thị xã Bình Minh) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 164, ngày 21/10/2011. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, thời gian sau khoảng tháng 7/2017 chị A nhận thấy vợ chồng không hợp nhau về quan điểm, thường xuyên có mâu thuẫn, chị phát hiện anh B có người phụ nữ khác bên ngoài, đời sống cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, đã sống ly thân từ tháng 8/2017 cho đến nay, nay chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Giữa chị A và anh B có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim Hiếu, sinh ngày: 15/08/2008 và Nguyễn Thị Kim Yến, sinh ngày: 22/12/2016. Hiện hai cháu đang sống với anh B. Sau khi ly hôn chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Kim Yến, còn anh B nuôi cháu Nguyễn Thị Kim Hiếu, không yêu cầu anh B cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn Dương Thị A trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn với anh B, vợ chồng bất đồng quan điểm, đời sống chung không thể kéo, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

+ Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim Hiếu, sinh ngày: 15/08/2008 và Nguyễn Thị Kim Yến, sinh ngày: 22/12/2016. Hiện hai cháu đang sống với anh B. Sau khi ly hôn chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Kim Yến, vì cháu còn quá nhỏ, không yêu cầu anh B cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Nguyễn Thanh B trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị A, anh cũng thừa nhận là anh đang có người phụ nữ khác bên ngoài, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, không hạnh phúc, đã sống ly thân từ tháng 8/2017 cho đến nay.

+ Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim Hiếu và Nguyễn Thị Kim Yến, khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi hai cháu, không yêu cầu chị A cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2007, chị Dương Thị A và anh Nguyễn Thanh B do tự tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân, không có tổ chức đám cưới theo phong tục, nhưng có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thuận An, huyện Bình Minh (nay là thị xã Bình Minh) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 164, ngày 21/10/2011, cho nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của chị A, hiện nay chị không còn tình cảm với anh B, vì trong thời gian chung sống vợ chồng không hợp nhau về quan điểm, thường xuyên cãi vã, chị phát hiện anh B có người phụ nữ khác bên ngoài, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2017 cho đến nay. Anh B cũng thừa nhận là anh có người phụ nữ khác bên ngoài, vợ chồng thường xuyên cãi vã, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, anh đồng ý ly hôn với chị A.

Từ lời trình bày trên cho thấy, hôn nhân giữa chị A với anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xét đơn yêu cầu xin ly hôn của chị A là có căn cứ để chấp nhận, vì vậy Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị A. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, giữa chị A và anh B thuận tình ly hôn, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị A và anh B theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Giữa chị A và anh B có hai con chung tên Nguyễn Thị Kim Hiếu, sinh ngày: 15/8/2008 và Nguyễn Thị Kim Yến, sinh ngày: 22/12/2016, hiện hai cháu đang sống với anh B. Sau khi ly hôn, chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Kim Yến, anh B yêu cầu được nuôi cả hai cháu Kim Hiếu và Kim Yến.

Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị A và anh B là chính đáng, phù hợp quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử quyết định, để chị A được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Kim Yến, nên buộc anh B phải giao cháu Kim Yến cho chị A được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh B được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thị Kim Hiếu.

Chị A không trực tiếp nuôi cháu Kim Hiếu, được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

Anh B không trực tiếp nuôi cháu Kim Yến, được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A và anh B đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị A và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị A và anh Nguyễn Thanh B.

2. Về con chung:

Buộc anh B giao cháu Nguyễn Thị Kim Yến, sinh ngày 22/12/2016 cho chị A được trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh B tiếp tục được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Kim Hiếu, sinh ngày: 15/8/2008.

Chị A không trực tiếp nuôi cháu Kim Hiếu, được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

Anh B không trực tiếp nuôi cháu Kim Yến, được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A và anh B không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị A và anh B không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Dương Thị A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị A đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008835, ngày 04/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, số tiền này được trừ vào

tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Do đó, chị A không phải nộp tiếp án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt Nguyên đơn, Bị đơn, báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL: 01
- VKSND TXBM: 01
- Chi cục THADS TXBM: 01
- UBND xã Thuận An
- Đương sự: 02
- Lưu: 04

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Khắc Toàn